TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số: 52/2023/DS-PT Ngày 18 - 9 -2023 *"Về việc Tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất "*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Ngọc Trung

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoành, ông Hồ Thanh Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ông Trình Ngọc H**, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trình Ngọc H: Ông Hà Quang Tr, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Tháng 10, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Quý Th và Luật sư Trần Thị Kim A – Văn phòng luật sư MHN, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Số 52, tổ 5, phố Tam C, phường Tân Q, thành phố Z, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Th, bà A, ông H, ông Tr có mặt

* *Bị đơn*: **Bà Trần Thị Q**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Việt T – Chuyên viên pháp lý của Công ty Luật TNHH MTV Quốc Cường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Khu dân cư Lý TT, tổ 17, phường PT, thành phố Z, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đàm Quốc Q - Công ty Luật TNHH MTV Quốc Cường, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Khu dân cư Lý TT, tổ 17, phường PT, thành phố Z, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Văn Th - Chủ tịch UBND xã Yên L; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Quang K, chức vụ: Công chức địa chính xây dựng nông nghiệp và môi trường; Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức C – Chủ tịch UBND huyện Hàm Y; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Trần B, chức vụ: Phó Trưởng phòng TNVMT huyện Hàm Y; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Ông Hà Quang Tr, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Tháng 10, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

* Người kháng cáo: Ông Trình Ngọc H, bà Phạm Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như sau: Ngày 14/5/2002 ông Trình Ngọc H được ông Từ Quang G là cán bộ dự án Nông Lâm Nghiệp Hàm Y cùng tiến hành đi thực địa bàn giao hiện trường trồng rừng năm 2002, tổng là 02 khoảnh 13 lô, diện tích là 42,9ha (BL 227). Năm 2005 ông thuê các ông Triệu Chòi Ch, Lý Văn Đ, Lý Văn Ph vào phát và cấy cây tại lô 5 khoảnh 86 khe Ba Đát LC tại thôn 65. Ông có Giấy cam đoan về việc phát rừng và trồng rừng ngày 12/5/2005; Giấy xác nhận của ông Triệu Chòi Ch về việc phát rừng và trồng rừng; Đơn xin trình báo của ông Lý Văn Đ và ông Lý Văn Ph gửi Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Hàm Y; Bản tường trình của ông Lý Văn Đ, Lý Văn Ph ngày 07/6/2005;

Giấy xác nhận của ông Đào Xuân L ngày 02/11/2016 về việc mua giúp hạt Bồ Đề cho ông; Giấy xác nhận và bản tự khai của đương sự, của ông Hà Quang Tr tại bút lục 233; Giấy hợp đồng với ông Bùi Văn M ngày 10/6/2009 về việc ông Tính nhận hợp đồng chăm sóc rừng Keo và Bồ Đề cho ông tại Ba Đát LC tại thôn 65; Bản tự khai của bà Phạm Thị O tại UBND xã Yên L ngày 18/4/2017 về việc chăm sóc rừng cho ông tại khe Ba Đát LC; Giấy xác nhận của ông Bùi Văn M và danh sách chữ ký của những người trực tiếp chăm sóc rừng cho ông tại khe Ba Đát LCngày 18/11/2016; Đơn đề nghị của ông Bùi Văn M gửi Tòa án nhân dân huyện Hàm Y về việc chăm sóc rừng cho ông ngày 18/11/2016; Giấy xác nhận của bà Lương Thị B1, Trần Thị C1 về việc chăm sóc rừng cho ông ngày 07/11/2016; Giấy Biên nhận mua bán, chuyển nhượng rừng trồng và đất rừng của ông Triệu Chòi Ch ngày 10/02/2009; Giấy Cam đoan của ông Triệu Chòi Ch ngày 15/8/2019 về việc xác định nguồn gốc đất và cây trồng trên đất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Y, Thanh tra huyện Hàm Y, Kiểm lâm huyện Hàm Y, UBND xã Yên L, Tòa án nhân dân huyện Hàm Y đã điều tra, xác minh, toàn bộ các tài liệu đều thể hiện những người làm chứng xác nhận nội dung năm 2005 có phát rừng thuê cho ông và xác nhận việc gia đình ông có trồng rừng tại khu vực Ba Đát LC. Ông không nhất trí với kết quả giải quyết của Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Y về việc xác định số cây trồng trên đất trồng rừng tại khu vực Ba Đát LC đang có tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình bà Trần Thị Q không phải là cây của gia đình ông, không phải là tài sản của ông. Vì việc ông trồng keo và quãi hạt bồ đề để trồng rừng tại khu vực Ba Đát LC là đúng sự thật, gia đình ông vẫn bảo vệ, chăm sóc từ đó đến nay. Ông đề nghị Toà án nhân dân huyện Hàm Y giải quyết xác định toàn bộ số cây keo và cây bồ đề có trên diện tích đất rừng được trồng tại khu vực Ba Đát LC thuộc thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang, đang là đối tượng tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình bà Q trong vụ án này là tài sản của ông, không phải là tài sản của bà Q, bà Q phải trả lại cho ông số tài sản này.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Trình Ngọc H khẳng định toàn bộ cây keo và cây bồ đề trên diện tích đất rừng như nội dung đang tranh chấp giữa ông và bà Trần Thị Q là tài sản của ông, là cây do gia đình ông trồng, gieo hạt, chăm sóc, bảo vệ từ năm 2005 đến nay. Để khẳng định đó là tài sản của ông, ông căn cứ vào những người làm chứng là những người phát, dọn rừng và trồng rừng thuê cho ông, ông Lý Văn Đ, ông Triệu Chòi Ch...và ông Từ Quang G là người giao đất rừng cho ông vào năm 2002. Đồng thời, ông cũng xác định sau khi giao đất trồng rừng cho gia đình ông vào năm 2002, thì đã có văn bản tạm đình chỉ việc giao đất trồng rừng mà ông Từ Quang G đã thực hiện vào năm 2002. Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Q

trả lại cho ông toàn bộ số cây keo và cây bồ đề được trồng ở khu Ba Đát LC vì đó là tài sản của gia đình ông, không phải của gia đình bà Q.

Ông Hà Quang Tr, là người đại diện theo uỷ quyền của ông Trình Ngọc H; luật sư Lê Quý Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trình Ngọc H trình bày các nội dung trùng khớp với ý kiến của ông H, khẳng định toàn bộ cây keo và cây bồ đề trên diện tích đất rừng như nội dung tranh chấp là tài sản của gia đình ông Trình Ngọc H, cây trồng và gieo hạt từ năm 2005, từ năm 2005 đến nay vẫn do gia đình ông H chăm sóc và bảo vệ. Do đó, số cây này không phải tài sản của gia đình bà Trần Thị Q.

** Ý kiến trình bày của bị đơn, bà Trần Thị Q và người đại diện theo uỷ quyền của bà Q, ông Ngô Việt T trong quá trình giải quyết:* Năm 2000 bà Q có phát đốt và trồng một diện tích rừng tại khu vực khe Ba Đát LC thuộc thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, chính là số cây mà đang có tranh chấp với ông Trình Ngọc H. Năm 2005 do có người tự ý đốt phá diện tích rừng mà bà đã trồng từ năm 2000 nên bà có báo chính quyền giải quyết, năm 2005 gia đình bà đã trồng lại cây keo và cây bồ đề trên diện tích bị người khác đốt phá. Việc trồng rừng của gia đình bà được chứng minh bằng đơn xin đất trồng rừng của ông Phạm Văn N, chồng bà gửi UBND xã Yên L năm 2000. Đối với số cây keo và cây bồ đề này có phần bà thuê người khác trồng có phần bà tự trồng, gia đình bà vẫn bảo vệ, chăm sóc cây trồng trên diện tích đất này từ năm 2005 đến nay. Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ bà đã giao nộp cho Toà án trong quá trình giải quyết, bà khẳng định toàn bộ cây keo và cây bồ đề mà ông H đang tranh chấp với bà là cây của gia đình bà, không phải của ông H. Do đó, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Trình Ngọc H, việc ai đúng ai sai các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết trước đây và đã xác minh đầy đủ mới đưa ra kết luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Q, luật sư Đàm Quốc Q trình bày: Toàn bộ nội dung sự việc đã được UBND huyện Hàm Y xác minh, làm rõ từ năm 2016, Báo cáo kết luận số 52 ngày 16/9/2016 của Thanh tra huyện Hàm Y trình tham mưu cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Y đã nêu rất đầy đủ và có căn cứ chính xác về việc xác định toàn bộ cây keo và cây bồ đề đang có tranh chấp giữa ông Trình Ngọc H và bà Trần Thị Q tại khu vực khe Ba Đát LC thuộc thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y là cây của bà Q. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án của Toà án cũng đủ cơ sở để xác định toàn bộ số cây keo và cây bồ đề đang tranh chấp trong vụ án là cây của gia đình bà Trần Thị Q được trồng từ năm 2000 và một phần được trồng lại vào năm 2005, từ đó đến nay số cây này vẫn do gia đình bà Q chăm sóc và bảo vệ. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Trình

Ngọc H là không có căn cứ. Những văn bản do UBND huyện Hàm Y ban hành vào năm 2016 và năm 2017 chưa bị thu hồi, vẫn có hiệu lực, đến thời điểm này ông H không có khiếu nại hay khiếu kiện gì đối với các văn bản của UBND huyện Hàm Y, các văn bản này cũng như hồ sơ xác minh của Thanh tra huyện Hàm Y đều có lưu rất đầy đủ trong hồ sơ vụ án, các tài liệu đều đủ căn cứ xác định toàn bộ tài sản là cây keo và cây bồ đề thuộc đối tượng đang có tranh chấp của vụ án là tài sản của gia đình bà Trần Thị Q, bà Q có quyền quản lý, sử dụng và định đoạt số tài sản này.

** Ý kiến trình bày của bà Phạm Thị D và người đại diện theo uỷ quyền của bà D, ông Hà Quang Tr trong quá trình giải quyết:* Xác nhận những ý kiến trình bày của ông Trình Ngọc H cũng như yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng, hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Ý kiến trình bày của ông Phạm Văn N trong quá trình giải quyết:* Xác nhận những ý kiến bà Trần Thị Q đã trình bày trong quá trình giải quyết là đúng, hoàn toàn nhất trí với những ý kiến bà Q đã trình bày, ông N cũng xác nhận năm 2000 chính ông là người làm đơn xin đất trồng rừng đã được UBND xã Yên L xác nhận, ông không nhất trí với những ý kiến mà ông Trình Ngọc H đưa ra.

** Ý kiến của UBND xã Yên L, huyện Hàm Y trong quá trình giải quyết:* Diện tích đất đang có tài sản tranh chấp trước năm 2005 là đất rừng phòng hộ, cuối năm 2005 thực hiện khoanh, giao đất cho dân trồng rừng theo Dự án RIP, năm 2007 có quyết định về việc phân ba loại rừng, khu vực này từ rừng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất. Đối với nội dung tranh chấp về tài sản trên đất là cây keo và cây bồ đề giữa các đương sự, đề nghị Toà án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật để giải quyết, UBND xã Yên L không có ý kiến gì.

** Ý kiến của UBND huyện Hàm Y trong quá trình giải quyết:* Toàn bộ nội dung giải quyết về tranh chấp giữa ông Trình Ngọc H và bà Trần Thị Q đã được Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Y giải quyết trên cơ sở xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo quy định và đã có các văn bản giải quyết cụ thể. Hồ sơ giải quyết và các văn bản liên quan Toà án đã tiến hành thu thập và lưu đầy đủ trong hồ sơ vụ án trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với nội dung tranh chấp về tài sản giữa ông Trình Ngọc H và bà Trần Thị Q đề nghị Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật để giải quyết, UBND huyện Hàm Y không có ý kiến gì. Nội dung cụ thể UBND huyện Hàm Y đã trình bày rõ trong văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án, UBND huyện Hàm Y không có ý kiến gì khác.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 163, 165, 227, 228, 255, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trình Ngọc H.

2. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Q.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Trình Ngọc H đã nộp đủ toàn bộ chi phí tố tụng, bảo gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí sao chụp tài liệu, tổng số tiền 9.026.000đ *(Chín triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).*

4. Về án phí: Nguyên đơn, ông Trình Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của vụ án, số tiền 7.868.400đ *(Bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng)*. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003702, ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Y. Ông H còn phải nộp số tiền 3.368.400đ *(Ba triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí của bị đơn, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 17/10/2022 ông Trình Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án vì cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Tòa án không triệu tập những người làm chứng đến tham gia phiên tòa; Tổng số cây trồng trên diện tích đất ban đầu ông H khởi kiện là trên 7,6ha, sau khi đo đạc là 12,7ha, bà Q làm đơn phản tố yêu cầu trên diện tích hơn 5ha, tại phiên tòa sơ thẩm bà Q rút yêu cầu phản tố, như vậy còn lại số cây trên diện tích đất 7,73ha là số cây tranh chấp thực tế mà tòa án cấp sơ thẩm không xác định thực tế bao nhiêu cây và giá trị bao nhiêu tiền. Tòa án không làm rõ nhiều tài liệu, không công khai toàn bộ các bút lục do các đương sự gửi đến. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

Ngày 17/10/2022 bà Phạm Thị D có đơn kháng cáo với nội dung cấp sơ thẩm xét xử không minh bạch làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của

gia đình bà D. Do vậy, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 14/3/2023 ông Trình Ngọc H trình bày mặc dù cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai một số người làm chứng nhưng không đầy đủ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập những người làm chứng đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi lời khai, đối với những người làm chứng mà cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai thì ông H không đề nghị Tòa phúc thẩm ghi lời khai những người này, đồng thời không đề nghị triệu tập họ đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nữa.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/3/2023 nguyên đơn ông Trình Ngọc H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ số cây trồng trên diện tích 7,6ha, sau khi đo đạc, sau khi bà Q rút yêu cầu phản tố nên Ông H chỉ yêu cầu đòi lại cây ở diện tích 7,6ha. Đồng thời ông H khẳng định ngày 14/5/2002 ông được ông Từ Quang G cán bộ Lâm nghiệp Hàm Y giao đất trồng rừng, do được giao nhiều lô nên đến năm 2005 ông H mới phát và thuê người là ông Ch, ông Đ, ông Ph phát lô số 5 tại khe Ba Đát LC, khi được giao lô số 5 khoảnh 86 thì trên đất chỉ có cây cỏ và cây gỗ tạp, sau khi phát xong thì đốt, ông H lên kiểm tra thì thấy bị cháy lan hơn 2ha nữa là hơn 7ha, ông H khẳng định sau khi phát và đốt thì lô số 5 là diện tích đang có tranh chấp đã được phát trắng, phát sạch thành đồi trọc và khẳng định không còn cây nào còn sống; Mấy ngày sau đó ông Đ, ông Ch, ông Ph bị kiểm lâm lập biên bản. Toàn bộ số cây keo, bồ đề được ông trồng lại là nhằm mục đích khắc phục lại rừng đã bị đốt theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước. Thời điểm ông H trồng cây là năm 2005. Ông đề nghị HĐXX thẩm định lại diện tích, đồng thời nhất trí với đề nghị của phía bà Q về việc lấy mẫu, giám định tuổi cây.

Ngày 21/4/2023 Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ, khoanh toàn bộ diện tích đất có cây đang có tranh chấp; Ngày 31/8/2023 Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành thu mẫu cây để thực hiện trưng cầu giám định tuổi cây.

Ngày 05/9/2023 ông Trình Ngọc H có đơn "khởi kiện thay thế sửa đổi" với nội dung: Thời điểm đầu tiên ông chỉ khởi kiện bà Q với diện tích 5,4ha, khi cấp sơ thẩm đo đạc thì diện tích có cây lên 7,6ha; trong 5,4ha hai bên tranh chấp ban đầu diện tích này đã được các ban ngành xác minh ngày 27/6/2005, còn 2,2ha là diện tích đất rừng phòng hộ liền kề bị cháy, cây trồng trên diện tích cháy lan thời gian trồng không đồng nhất, nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện xác định phần tài sản trên đất có tranh chấp là 5,4ha, tại địa điểm khe Ba Đát LC, thôn 65, xã Yên L - Hàm Y - Tuyên Quang.

Bị đơn bà Trần Thị Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông N bà Q trình bày: Vụ việc đã được UBND huyện Hàm Y giải quyết tại kết luận thanh tra số 52, ông H trình bày cây do ông H trồng tháng 7/2005, kết luận giám định tuổi cây thể hiện trồng năm 2001-2003 (21 cộng trừ 1), phù hợp với lời khai bà Q, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không đưa ra được các chứng cứ mới, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là đúng quy định, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo nguyên đơn ông Trình Ngọc H, bà Phạm Thị D hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2000 bà Q trồng cây keo, bồ đề tại lô 5 khe Ba Đát LC, năm 2005 bị một số người phát, đốt bà Q đã làm đơn tố giác gửi các cơ quan ban ngành, sau đó các cơ quan ban ngành đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Ch, ông Đ, ông Ph, sau đó bà Q đã trồng bổ sung; Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông H đều xác định cây trồng tháng 7/2005; căn cứ kết quả giám định tuổi cây cho thấy cây được trồng khoảng từ năm 2001-2003 phù hợp với lời trình bày của bà Q, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác; do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng quy định, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí cấp sơ thẩm xác định sai án phí, đề nghị HĐXX phúc thẩm xác định lại án phí theo điểm a khoản 2 điều 27 nghị quyết 326 về án phí lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trình Ngọc H, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D là hợp lệ, trong hạn luật định, nội

dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trình Ngọc H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về Diện tích đất có cây rừng mà nguyên đơn khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2016 (BL 01) nguyên đơn ông Trình Ngọc H nêu đề nghị Tòa án "*tuyên cho vợ chồng tôi được hưởng số cây keo, cây bồ đề mà gia đình tôi bỏ công sức tiền của trồng trên diện tích đất lô 5; khoảnh 86 diện tích 7,6ha"*, Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/3/2017 (BL 48) ông H đề nghị tòa tuyên cho được sử dụng cây keo, cây bồ đề trên diện tích 7,6ha tại lô 5-IC; Tại đơn đề nghị và khiếu nại ngày 31/5/2017 (BL 88) ông H vẫn xác định yêu cầu khởi kiện được sử dụng tài sản là cây keo, cây bồ đề trên diện tích 7,6ha; Quá trình giải quyết vụ án ngày 03/01/2018 Hội đồng thẩm định Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc diện tích đất có tài sản tranh chấp tại buổi làm việc ông Trình Ngọc H chỉ dẫn cho cán bộ đo đạc xác định phần cây có tranh chấp nằm trên diện tích 127.390,0m^2; Sau khi có mảnh trích đo ngày 17/9/2018 tại đơn đề nghị xác minh nhân chứng (BL 235) Đơn khởi kiện vụ án dân sự "Thay đổi bổ sung" (BL 246) Biên bản hòa giải (BL 251, 283, 646) ông H xác định phần cây keo, bồ đề có tranh chấp nằm trên diện tích 12,7ha chứ không phải 7,6ha như đơn khởi kiện ban đầu của ông H; Đến ngày 02/12/2021 Ông Trình Ngọc H có "đơn khởi kiện để thay đổi nội dung khởi kiện" (BL 748) với nội dung "*Tôi xin rút đơn khởi kiện trước đây mà Tòa án đã thụ lý giải quyết mà tôi đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp với tôi với diện tích có cây trồng trên đất là 7,6ha*";

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm sau khi cấp phúc thẩm thực hiện việc thẩm định tại chỗ và lấy mẫu cây bồ đề để thực hiện giám định tuổi cây ông Trình Ngọc H có "đơn khởi kiện thay thế và sửa đổi" với nội dung: Xin rút toàn bộ đơn khởi kiện trước đây để thay thế bằng đơn này, đề nghị Tòa tuyên xử cho vợ chồng ông H bà D được sử dụng toàn bộ số cây keo và cây bồ đề nằm trên diện tích đất 5,4ha mà gia đình ông H bà D đã trồng từ tháng 7/2005 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trình Ngọc H nhiều lần thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, ban đầu ông H khởi kiện cho rằng toàn bộ số cây Keo, Bồ Đề nằm trên diện tích 7,6ha thuộc quyền sở hữu của mình, quá trình thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm ông H chỉ dẫn ranh giới rừng cây có tranh chấp là 12,7ha; Đến ngày 02/12/2021 lại có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trở về diện tích rừng cây đã khởi kiện ban đầu là 7,6ha; Tại phiên tòa phúc thẩm tiếp tục rút yêu cầu khởi kiện xống 5,4ha, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Trần Thị Q không nhất trí với

việc rút đơn khởi kiện của ông H, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 BLTTDS không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2.1] Về nguồn gốc, năm trồng số cây Keo, cây Bồ Đề hiện đang có tranh chấp:

Nguyên đơn, ông Trình Ngọc H khởi kiện cho rằng toàn bộ cây keo và cây bồ đề được trồng trên diện tích đất thuộc lô 5-IC, khoảnh 86, Bản đồ phân ba loại rừng theo Quyết định số 310/QĐ-CT ngày 26/02/2007 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh quy hoạch phân ba loại rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) , diện tích là 7,6 ha; vị trí tại khu Ba Đát LC thuộc thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y là tài sản của nguyên đơn. Ông H trình bày năm 2002 ông được ông Từ Quang G là cán bộ phụ trách Dự án lâm nghiệp Hàm Y bàn giao đất tại khoảnh 87 gồm 02 lô 10 và 13; khoảnh 86 gồm 11 lô (từ lô 1 đến lô 11), năm 2005 ông H có thuê người phát rừng và trồng cây Keo, quãi hạt Bồ Đề trên diện tích đất này, từ năm 2005 đến nay gia đình ông H vẫn chăm sóc và bảo vệ số cây trồng trên diện tích đất trồng rừng này. Vì vậy, ông cho rằng toàn bộ số cây Keo và cây Bồ Đề đang có trên diện tích đất rừng đã nêu là cây do gia đình ông trồng, chăm sóc và bảo vệ, đó là tài sản của gia đình ông, không phải của gia đình bà Q. Do vậy, gia đình ông phải được toàn quyền sở hữu và khai thác số cây Keo và cây Bồ Đề này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các lời khai, lời trình bày nguyên đơn đều khẳng định toàn bộ số cây Keo, cây Bồ Đề hiện đang có tranh chấp được ông trồng tháng 7/2005; tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/3/2023 ông H cũng khẳng định: Ngày 14/5/2002 ông được ông Từ Quang G cán bộ Lâm nghiệp Hàm Y giao đất trồng rừng, do được giao nhiều lô nên đến năm 2005 ông H mới phát và thuê người là ông Ch, ông Đ, ông Ph phát lô số 5 tại khe Ba Đát LC, khi được giao lô số 5 khoảnh 86 thì trên đất chỉ có cây cỏ và cây gỗ tạp, sau khi phát xong thì đốt, ông H lên kiểm tra thì thấy bị cháy lan hơn 2ha nữa là hơn 7ha, ông H khẳng định sau khi phát và đốt thì lô số 5 là diện tích đang có tranh chấp đã được phát sạch thành đồi trọc và khẳng định không còn cây nào còn sống; Mấy ngày sau đó ông Đ, ông Ch, ông Ph bị kiểm lâm lập biên bản. Toàn bộ số cây keo, bồ đề được ông trồng lại là nhằm mục đích khắc phục lại rừng đã bị đốt theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước. Thời điểm ông H trồng cây là năm 2005. Ông đề nghị HĐXX thẩm định lại diện tích, đồng thời nhất trí với đề nghị của phía bà Q về việc lấy mẫu, giám định tuổi cây.

Tại buổi làm việc ngày 31/8/2023 ông H có mặt, có tham gia chứng kiến việc lấy mẫu, niêm phong mẫu vật là đoạn gốc cây bồ đề để giám định, ông H khẳng định "*mẫu cây bồ đề nằm trong diện tích cháy lan, nằm trong diện tích 7,6ha mà tôi khởi kiện, không nằm trong diện tích 5,4ha mà tôi đã*

phát và đã bị các cơ quan có thẩm quyền lập biên bản"; Sau đó ngày 05/9/2023 ông H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định nay chỉ khởi kiện số cây Keo, Bồ đề nằm trên diện tích 5,4ha; HĐXX thấy Mặc dù ông H cho rằng mẫu cây Bồ Đề được cắt mang đi giám định nằm ở diện tích cháy lan nhưng vẫn khẳng định mẫu cây Bồ đề được tổ công tác thực hiện thu thập nằm trong diện tích đất 7,6ha mà ông H đã khởi kiện từ ban đầu.

Ngày 05/9/2023 Tòa án cấp phúc thẩm ban hành quyết định trưng cầu giám định số 01/2023/QĐ-TCGĐ; Tại Bảng Kết quả giám định số 552/CNR-VP ngày 11/9/2023 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam kết luận: *"Căn cứ kết quả phân tích vòng năm của thớt gỗ giám định kết luận số ký hiệu trên mặt thớt gỗ: Tên của các ông/ bà Ma Ngọc Trung, La Thu Thảo, Phạm Quang K, Phạm Văn N, Nông Mạnh M1, Trình Ngọc H, Hà Quang Tr và ngày 31/8/2023, tuổi (năm) 21 năm (Cộng trừ 1 là sai số ước tính). Như vậy có cơ sở xác định cây bồ đề đã được trồng từ năm 2002; (tính sai số là từ 2001-2003)"*.

Căn cứ lời khai, lời trình bày về thời gian trồng cây của ông H trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ lời khai của ông H tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/3/2023, căn cứ kết quả giám định tuổi cây số: 552/CNR-VP ngày 11/9/2023 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam cho thấy cây trên diện tích đất tranh chấp được trồng, mọc từ năm 2002, kết quả giám định tuổi cây phù hợp với lời khai của bà Q, ông N, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án như các tài liệu được Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Y (Thanh tra huyện Hàm Y) thu thập, xác minh vào năm 2016 khi giải quyết việc tranh chấp giữa ông H và bà Q về tuổi, thời gian trồng cây, không có căn cứ chấp nhận lời khai, quan điểm của ông H.

Đối với lời khai của những người làm chứng: Lời khai của ông Ch, ông Đ, ông Ph hay những người làm chứng khác đều không xác định về việc trồng cây keo và quãi hạt bồ đề trên diện tích đất nói trên, họ chỉ xác định về việc năm 2005 có được ông H thuê phát, đất rừng tại khu Ba Đát LC và bị Đoàn công tác liên ngành xử lý vi phạm hành chính, Hạt kiểm lâm huyện Hàm Y yêu cầu họ phải trồng lại diện tích rừng mà họ đã phá để khắc phục hậu quả; Lời khai ông Từ Quang G (BL 1302) xác định: "*Ngày 14/5/2002 tôi có lập biên bản bàn giao hiện trường trồng rừng năm kế hoạch 2002 chứ không phải bàn giao đất, đến ngày 24/5/2002 có sự thay đổi về kế hoạch nên tôi lập biên bản làm việc với ông H để thống nhất tạm đình chỉ thi công (trồng rừng) đợi có kế hoạch cụ thể sẽ thông báo sau, sau ngày 24/5/2002 tôi và ông Trình Ngọc H không còn bất cứ việc gì liên quan đến việc trồng rừng tại thôn 65 xã Yên L nữa";* Đối với những người làm chứng như Bùi Văn M, Lương Văn Tr; Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh nhưng thời điểm xác minh không có mặt tại địa phương, những người làm chứng như: Thôi Văn T1, Phan Thị

Ng, Trần Văn Y, Lương Thị B1, Bùi Thị H1 đều khẳng định cách đây khoảng 10 năm có đi phát nương thuê cho ông Bùi Văn M, nhưng không nhớ được vị trí cụ thể.

Các tài liệu, chứng cứ đều thể hiện không có căn cứ để xác định toàn bộ số cây Keo và cây Bồ Đề mà ông H và bà Q đang có tranh chấp là tài sản của ông H; Do vậy có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trình Ngọc H là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà D và quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm về các nội dung này.

UBND huyện Hàm Y xác định: Tại bản tự khai ngày 11/11/2021 đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Hàm Y trình bày việc tranh chấp của ông H và bà Q, do bà Q có đơn gửi các cấp nên đã được Ủy ban nhân dân huyện giao cho thanh tra huyện chủ trì phối hợp với Phòng TNVMT, phòng Nông nghiệp, Công an huyện, UBND xã Yên L để xác định rõ nội dung vụ việc, qua kết quả xác minh giải quyết của Thanh tra huyện cùng các cơ quan đơn vị có liên quan đã có báo cáo số 52/BC-TTr ngày 16/9/2016 của Thanh tra huyện, ngày 25/10/2016 UBND huyện đã có văn bản số 1417/UBND-NC giải quyết nội dung đơn của bà Trần Thị Q, đến nay vụ việc được Tòa án thụ lý giải quyết đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần III báo cáo số 52/BC-TTr ngày 16/9/2016 thể hiện: Căn cứ hồ sơ tài liệu, các ý kiến trình bày; xác định về tài sản (cây Keo + cây Bồ Đề) trên diện tích đất 7,6ha thuộc lô 5 khoảnh 86 là của bà Trần Thị Q và ông Phạm Văn N trồng, chăm sóc, bảo vệ từ năm 2001 cho đến nay; Tại văn bản số 1417/UBND-NC ngày 25/10/2016 của UBND huyện Hàm Y thể hiện: Yêu cầu bà Trần Thị Q trú tại thôn 65 xã Yên L có trách nhiệm lập đầy đủ thủ tục hồ sơ về việc khai thác rừng trồng tại lô 5 – IC khoảnh 86 bản đồ phân ba loại rừng, diện tích 7,6ha loại cây Keo và Bồ Đề. Có trách nhiệm báo với Hạt kiểm lâm Hàm Y và UBND xã Yên L để được khai thác lô rừng theo đúng quy định của pháp luật, sau khi khai thác xong có trách nhiệm bàn giao toàn bộ diện tích 7,6ha tại lô 5 –IC khoảnh 86 cho UBND xã Yên L quản lý theo quy định của pháp luật. Tại đơn xin xét xử vắng mặt UBND huyện Hàm Y đề nghị HĐXX xem xét giải quyết phần tài sản, đối với diện tích đất đề nghị giao lại cho UBND xã Yên L quản lý.

UBND xã Yên L trình bày: Đối với phần tài sản trên đất đề nghị Tòa án giải quyết, đối với diện tích đất đề nghị Tòa giải quyết xong phần tài sản, bàn giao lại diện tích đất cho UBND xã.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các tài liệu do UBND huyện, UBND xã Yên L cung cấp thể hiện diện tích đất 7,6ha thuộc lô 5 – IC bản đồ 310 loại đất là đất rừng sản xuất, thuộc quyền quản lý của UBND xã Yên L, tại các sổ sách quản lý địa chính thể hiện diện tích đất này từ trước đến nay vẫn thuộc

quyền quản lý của UBND xã Yên L vì vậy không cần thiết phải tuyên giao diện tích đất này cho UBND xã quản lý mà chỉ cần buộc người được tuyên giao sử dụng số cây Bồ Đề, cây Keo trên diện tích 7,6ha có trách nhiệm thực hiện các thủ tục khai thác và bàn giao lại diện tích đất nêu trên cho UBND xã Yên L là phù hợp.

[2.3]Về số lượng cây Keo, cây Bồ Đề, giá trị tài sản hiện có tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ kiểm đếm số lượng cây, đo vẽ diện tích đất có cây rừng đang tranh chấp là 12,7ha; Sau khi ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà Q rút yêu cầu phản tố, đến thời điểm xét xử sơ thẩm số cây Keo, Bồ Đề thực tế có tranh chấp nằm trên diện tích 7,6ha; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo kết quả thẩm định, kiểm đếm, định giá toàn bộ số cây keo, bồ đề nằm trên diện tích 12,7ha, không thực hiện việc thẩm định bóc tách số cây keo, bồ đề nằm trên diện tích đang còn tranh chấp là bao nhiêu, là có thiếu xót;

Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành khoanh, đo vẽ toàn bộ diện tích cây Keo và cây Bồ đề có tranh chấp, kết quả đo vẽ thể hiện diện tích đất có cây đang tranh chấp có tổng diện tích 77.006,5m^2 được giới hạn bởi các điểm 1.2.3….25.26.27.1 (Theo mảnh trích đo ngày 11/9/2023); Xét thấy đây là tranh chấp ai là người có quyền sở hữu tài sản được quy định tại khoản 2 điều 26 BLTTDS, Nguyên đơn, bị đơn đều xác định tranh chấp đối với toàn bộ số cây Keo, cây Bồ Đề hiện có trên diện tích tranh chấp 77.006,5m^2 ha tại lô 5 khoảnh 86, do vậy xét thấy không cần thiết thực hiện lại việc kiểm đếm lại số lượng cây đang có tranh chấp, không cần thiết phải tiến hành định giá lại để xác định giá trị tổng số lượng cây có tranh chấp mà tuyên xử xác định ai là người có quyền sở hữu toàn bộ số cây keo, cây bồ đề trên diện tích 77.006,5m^2 do các đương sự chỉ dẫn là phù hợp.

Nguyên đơn ông Trình Ngọc H khai toàn bộ số cây có tranh chấp được trồng năm 2005, bị đơn bà Trần Thị Q xác định toàn bộ số cây gia đình bà đã trồng từ năm 1999, 2000, sau cây chết thì có trồng dặm; năm 2005 bị ông H phát đốt nên có trồng lại phần diện tích bị phát, đốt; Nguyên đơn, bị đơn khai mâu thuẫn nhau về thời gian trồng cây, về tuổi cây nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định, sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc giám định tuổi để xác định thời gian trồng cây làm căn cứ giải quyết vụ án là có thiếu xót; Các thiếu xót này đã được cấp phúc thẩm khắc phục, bổ sung bằng việc thu thập và tiến hành trưng cầu giám định tuổi cây, do vậy không cần thiết phải hủy bản án mà tiến hành rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm chỉ tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không xác định ai là người được quyền sở hữu toàn bộ số cây Keo, cây Bồ Đề không đầy đủ, nội dung này cấp phúc thẩm cần bổ sung bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không xuất trình được tình tiết chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy cần bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và đúng quy định.

Về án phí: Cấp sơ thẩm buộc ông H phải chịu 7.868.400đ án phí dân sự có giá nghạch, tại cấp phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 27 nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH buộc ông H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trả lại phần án phí còn lại cho ông H;

Về chi phí thẩm định tại chỗ, giám định tại cấp phúc thẩm:

+ Chi phí đo vẽ mảnh trích đo 6.023.713đ; Chi phí thẩm định 2.688.000đ, Tổng 8.711.000đ

+ Chi phí giám định tuổi cây: 5.923.000đ

Do yêu cầu kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên buộc ông H phải chịu toàn bộ chi phí Thẩm định tại chỗ, xác nhận ông H đã nộp đủ chi phí thẩm định tại chỗ; Chi phí giám định bà Q đã nộp tạm ứng do vậy cần buộc ông H phải trả cho bà Q chi phí giám định 5.923.000đ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trình Ngọc H, bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Miễn án phí cho ông H vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trình Ngọc H và kháng cáo của bà Phạm Thị D giữ nguyên bản Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2022/DS - ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Y như sau:

1. Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trình Ngọc H về việc đề nghị xác định toàn bộ số cây Keo, cây Bồ Đề tại Lô 5 khoảnh 86 tại khe Ba Đát LC, thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trình Ngọc H.

1.2. Bà Trần Thị Q và ông Phạm Văn N được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ số cây Keo, cây Bồ Đề (không tiến hành kiểm đếm số lượng cụ thể) trên diện tích 77.006,5m^2 tại lô 5 khoảnh 86; Tại danh khe Ba Đát LC, thôn 65, xã Yên L, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang (có mảnh trích đo ngày 11/9/2023 kèm theo bản án). Bà Trần Thị Q, ông Phạm Văn N có trách nhiệm tiến hành các thủ tục với các cơ quan có thẩm quyền để khai thác toàn bộ số cây keo, bồ đề được quyền sở hữu theo bản án phúc thẩm (trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 18/9/2023), sau khi khai thác bà Q, ông N có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ diện tích 77.006,5m^2 tại lô 5 khoảng 86 cho UBND xã Yên L quản lý.

2. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Q.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Trình Ngọc H đã nộp đủ toàn bộ chi phí tố tụng, bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí sao chụp tài liệu, tổng số tiền 9.026.000đ *(Chín triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng)*.

II. Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm như sau: Buộc nguyên đơn, ông Trình Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003702, ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Y. Trả lại cho ông H 4.200.000đ còn lại;

III. Về chi phí thẩm định tại chỗ, giám định, án phí tại cấp phúc thẩm:

Buộc ông Trình Ngọc H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 8.711.000đ, xác nhận ông H đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Buộc ông Trình Ngọc H phải chịu toàn bộ chi phí giám định tuổi cây: 5.923.000đ, ông H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Q số tiền tạm ứng bà Q đã nộp là 5.923.000đ

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Trình Ngọc H trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005781 ngày 28/10/2022; buộc bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí biên lai thu số 0005810 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Y, bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2023).

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi*

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP Tuyên Quang;
- THADS TPTuyên Quang;
- Các đương sự;
- VPTA (HCTP)
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phúc An Hoành Hồ Thanh Sơn

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung